TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2019
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Sơn

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH TMCP KL

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 PHT, VV, RG, tỉnh KG.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần T A. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mạch Q P, sinh năm 1979. Chức vụ: Giám đốc NH TMCP KL, chi nhánh C (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị M P, sinh năm 1977 (có mặt)

Ông Nguyễn T T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 1/16, đường L, k 2, p 4, thành phố C , tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Mạch Q P trình bày: Bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T có vay của NH TMCP KL (gọi tắt là NH KL) số tiền 220.000.000 đồng được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 318/HĐTD/2000/1861 ngày 28/7/2016, mục đích vay là để sửa chữa nhà, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn là 12,24%/năm. Lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm

thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,23%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán là lãi, vốn trả hàng tháng.

Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 318/16/HĐTC-BĐS/2000/1861 ngày 28/7/2016. Cụ thể, tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 1/16, L, k 2, p4, thành phố C, tỉnh C, diện tích xây dựng nhà ở là 90,12m^2, diện tích đất ở 110.77m^2, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5901030292 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 09/7/2003.

Quá trình thanh toán nợ: Kể từ vay đến nay bà P và ông T chưa thanh toán gốc lãi cho NH nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 08/7/2019 thì bà P và ông T còn nợ NH KL tổng số tiền 314.726.218 đồng (Trong đó: Vốn gốc là 217.400.000 đồng, lãi trong hạn là 68.096.897 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 18.378.655 đồng và tiền lãi quá hạn là 10.850.667 đồng).

Nay NH KL khởi kiện yêu cầu bà P và ông T phải trả cho NH số tiền 314.726.218 đồng nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà P, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì NH KL yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 318/16/HĐTC-BĐS/2000/1861 để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ nhưng bà P và ông T vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là rút lại phần yêu cầu về tiền lãi phạt chậm trả số tiền 18.378.655 đồng, các phần khác theo yêu cầu khởi kiện thì vẫn giữ nguyên. Bị đơn bà Phạm Thị M P đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi cho NH KL tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 296.347.563 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền phạt lãi chậm trả do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền phạt chậm trả lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi

kiện này của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 318/16/HĐTD/2000-1861 ngày 28/7/2016, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Ngày 28/7/2016 bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T có ký hợp đồng tín dụng số 318/16/HĐTD/2000-1861 với NH TMCP KL – Chi nhánh C (gọi tắt là NH KL) để vay số tiền 220.000.000 đồng, mục đích vay là để sửa chữa nhà ở. Kể từ khi vay tính đến tháng 10/2016 thì bà P, ông T trả được số tiền vốn là 2.600.000 đồng, lãi 4.818.841 đồng thì đến nay ngưng không trả vốn và lãi nữa. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà P và ông T còn nợ NH KL tổng số tiền 296.347.563 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 217.400.000 đồng, lãi trong hạn là 68.096.897 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.850.667 đồng). Căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 318/16/HĐTD/2000-1861 được ký giữa các bên là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nhưng do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà P, ông T phải trả số tiền vay vốn, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 296.347.563 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 318/16/HĐTC-BĐS/2000/1861 ngày 28/7/2016, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Khi ký hợp đồng tín dụng số 318/16/HĐTD/2000-1861 thì bà P, ông T có thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 1/16, L, k2, p4, thành phố C, tỉnh C, diện tích xây dựng nhà ở là 90,12m^2, diện tích đất ở 110.77m^2, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5901030292 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 09/7/2003 để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên. Thấy rằng, hợp đồng thế chấp nêu trên được ký giữa các bên đã thỏa mãn những điều kiện của luật định. Tại phiên tòa, bà P đồng ý xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của NH. Xét đây là sự tự nguyện của bà P và yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 14.817.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 464, 465 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH TMCP KL. Buộc bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T trả cho NH KL số tiền tính đến ngày 08/7/2019 là 296.347.563 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 217.400.000 đồng, lãi trong hạn là 68.096.897 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.850.667 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/7/2019, bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay quy định thì lãi suất mà bà P, ông T phải tiếp tục thanh toán cho NH KL theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

NH TMCPKL phải trả cho bà Phạm Thị M P, ông Nguyễn T T bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, diện tích 110.77m^2 tọa lạc tại số 1/16, đường L, k2, p4, thành phố C, tỉnh C do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp số 5901030292 ngày 09/7/2003 khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Trường hợp bà P, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên thì NH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 1/16, L, k2, p4, thành phố C, tỉnh C, diện tích xây dựng nhà ở là 90,12m^2, diện tích đất ở 110.77m^2, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5901030292 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 09/7/2003, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 318/16/HĐTC-BĐS/2000/1861 để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền phạt chậm trả lãi.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- NH TMCPKL không phải chịu án phí. Ngày 05/3/2019 NH KL có dự nộp 7.354.000 đồng theo biên lai số 0002141 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Bà Phạm Thị M P và ông Nguyễn T T phải chịu án phí là 14.817.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn là bà Phạm Thị M P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn là ông Nguyễn T T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang